

UBND QUẬN NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Máy Tơ, ngày 20 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN
V/v niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023

- Thời gian bắt đầu: 10 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 4 năm 2024
- Địa điểm: Phòng hội trường Trường TH Nguyễn Thượng Hiền
- Thành phần tham dự:
 1. Ông Trần Nguyên Lâm, Hiệu trưởng nhà trường;
 2. Bà Nguyễn Thị Huyền, Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch công đoàn;
 3. Bà Đỗ Thị Tâm, Tổ trưởng tổ VP, văn thư kiêm thủ quỹ;
 4. Bà Vũ Thị Thu Hà, Chủ tịch công đoàn;
 5. Bà Mạc Thị Lê Khuyên, Trưởng Ban thanh tra nhân dân;
 6. Bà Lâm Thị Viên, Bí thư Đoàn thanh niên.
- Chủ tọa: Ông Trần Nguyên Lâm, Hiệu trưởng
- Thư kí: Bà Đỗ Thị Tâm, văn thư
- Nội dung:
 - + Tiến hành niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023.
 - + Địa điểm công khai: bảng tin nhà trường và trong cuộc họp hội đồng.
 - + Thời gian công khai: từ 20/04/2024 đến hết 19/05/2024.
 - + Người tiến hành niêm yết công khai: Đ/c Tâm thực hiện công khai trên bảng tin nhà trường.
 - + Bộ phận tiếp nhận ý kiến phản hồi: Đ/c Trần Nguyên Lâm-Hiệu trưởng; đ/c Hoàng Thị Hương Huệ - kế toán.
- Nội dung công khai quyết toán ngân sách năm 2023 đã được các thành viên tham dự thông qua 100% nhất trí.
- Buổi công khai kết thúc vào 11 giờ cùng ngày./.

THƯ KÍ



Đỗ Thị Tâm



HIỆU TRƯỞNG

Trần Nguyên Lâm

Nơi nhận:

- Lưu VT, Hồ sơ

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền

Mã DVQHNS: 1064882

Mã cấp NS: 3

Ngày ký: 07/02/2024 16:18:31
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Hải Phòng
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2023

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	1.000.000.000	1.787.348.000	1.787.348.000	1.787.348.000	2.787.348.000	2.784.914.800	2.784.914.800	833.220.000	0	0	2.433.200
13	072	00000	102.105	8.350.000.000	8.550.782.000	8.550.782.000	8.550.884.105	8.550.884.105	8.550.884.105	0	0	0	0
14	072	00000	2.014.380	2.327.426.526	3.310.982.976	3.310.982.976	3.312.997.356	3.312.997.356	3.312.997.356	0	0	0	0
15	072	00000	0	0	16.023.000	16.023.000	16.023.000	16.023.000	16.023.000	0	0	0	0
Cộng:			1.002.116.485	12.464.774.526	13.665.135.976	13.665.135.976	14.667.252.461	14.664.819.261	14.664.819.261	833.220.000	0	0	2.433.200

Phản KBNN ghi:

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 2 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mai Quỳnh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 7 tháng 2 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền
Mã ĐVQHNS: 1064882
Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 07/02/2024 11:27:18
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP-KBNN Hải Phòng
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	072	6112	00000	0	0	20.748.000	20.748.000	20.748.000	20.748.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Vật tư văn phòng khác	12	072	6599	00000	0	0	12.750.000	12.750.000	12.750.000	12.750.000
Nhà cửa	12	072	6907	00000	0	0	2.150.890.000	2.150.890.000	2.150.890.000	2.150.890.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	072	6949	00000	0	0	403.310.000	403.310.000	403.310.000	403.310.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	12	072	6954	00000	0	0	134.480.800	134.480.800	134.480.800	134.480.800
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	072	7001	00000	0	0	59.136.000	59.136.000	59.136.000	59.136.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	3.887.426.701	3.887.426.701	3.887.426.701	3.887.426.701
Lương hợp đồng theo chế độ	13	072	6003	00000	0	0	36.457.200	36.457.200	36.457.200	36.457.200
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	315.720.000	315.720.000	315.720.000	315.720.000
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	50.362.012	50.362.012	50.362.012	50.362.012
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	1.367.559.725	1.367.559.725	1.367.559.725	1.367.559.725
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	5.364.000	5.364.000	5.364.000	5.364.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	728.703.962	728.703.962	728.703.962	728.703.962
Thưởng thường xuyên	13	072	6201	00000	0	0	47.700.000	47.700.000	47.700.000	47.700.000
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	820.966.244	820.966.244	820.966.244	820.966.244

Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	144.876.394	144.876.394	144.876.394	144.876.394
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	96.771.464	96.771.464	96.771.464	96.771.464
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	48.292.131	48.292.131	48.292.131	48.292.131
Các khoản đóng góp khác	13	072	6349	00000	0	0	24.146.069	24.146.069	24.146.069	24.146.069
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	168.933.284	168.933.284	168.933.284	168.933.284
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	105.367.344	105.367.344	105.367.344	105.367.344
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	11.536.560	11.536.560	11.536.560	11.536.560
Chi khác	13	072	6549	00000	0	0	42.500.000	42.500.000	42.500.000	42.500.000
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	43.594.707	43.594.707	43.594.707	43.594.707
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	072	6552	00000	0	0	1.940.000	1.940.000	1.940.000	1.940.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	102.921.000	102.921.000	102.921.000	102.921.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	072	6601	00000	0	0	2.646.548	2.646.548	2.646.548	2.646.548
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	7.630.066	7.630.066	7.630.066	7.630.066
Tuyên truyền; quảng cáo	13	072	6606	00000	0	0	17.410.000	17.410.000	17.410.000	17.410.000
Khác	13	072	6649	00000	0	0	2.991.000	2.991.000	2.991.000	2.991.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	8.640.000	8.640.000	8.640.000	8.640.000
Chi phí thuê mướn khác	13	072	6799	00000	0	0	148.825.000	148.825.000	148.825.000	148.825.000
Nhà cửa	13	072	6907	00000	0	0	19.800.000	19.800.000	19.800.000	19.800.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	11.750.000	11.750.000	11.750.000	11.750.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	072	6913	00000	0	0	10.080.000	10.080.000	10.080.000	10.080.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	072	6949	00000	0	0	84.722.000	84.722.000	84.722.000	84.722.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	105.365.100	105.365.100	105.365.100	105.365.100
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	072	7012	00000	0	0	36.021.000	36.021.000	36.021.000	36.021.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	072	7756	00000	0	0	20.576.000	20.576.000	20.576.000	20.576.000
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	23.288.594	23.288.594	23.288.594	23.288.594
Lương theo ngạch, bậc	14	072	6001	00000	0	0	405.703.200	405.703.200	405.703.200	405.703.200
Phụ cấp chức vụ	14	072	6101	00000	0	0	5.425.000	5.425.000	5.425.000	5.425.000

Phụ cấp ưu đãi nghề	14	072	6112	00000	0	0	142.527.770	142.527.770	142.527.770	142.527.770
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	072	6113	00000	0	0	558.000	558.000	558.000	558.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	072	6115	00000	0	0	75.314.501	75.314.501	75.314.501	75.314.501
Bảo hiểm xã hội	14	072	6301	00000	0	0	82.695.259	82.695.259	82.695.259	82.695.259
Bảo hiểm y tế	14	072	6302	00000	0	0	14.593.281	14.593.281	14.593.281	14.593.281
Kinh phí công đoàn	14	072	6303	00000	0	0	9.728.854	9.728.854	9.728.854	9.728.854
Bảo hiểm thất nghiệp	14	072	6304	00000	0	0	4.864.427	4.864.427	4.864.427	4.864.427
Các khoản đóng góp khác	14	072	6349	00000	0	0	2.432.214	2.432.214	2.432.214	2.432.214
Chi khác	14	072	6449	00000	0	0	2.569.154.850	2.569.154.850	2.569.154.850	2.569.154.850
Phụ cấp ưu đãi nghề	15	072	6112	00000	0	0	13.623.000	13.623.000	13.623.000	13.623.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	15	072	6157	00000	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
Cộng:					0	0	14.664.819.261	14.664.819.261	14.664.819.261	14.664.819.261
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC				ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH			
Ngày 7 tháng 2 năm 2024				Ngày 7 tháng 2 năm 2024			
Kế toán		Kế toán trưởng		Kế toán trưởng		Thủ trưởng đơn vị	
		(Ký tên, đóng dấu)				(Ký tên, đóng dấu)	
Nguyễn Thị Mai Quỳnh		Người ký: Nguyễn Thị Thu Hương Ngày ký: 07/02/2024 11:27:18 Chức danh: Phó trưởng phòng Đơn vị: VP KBNN Hải Phòng		Người ký: Hoàng Thị Hương Huệ Ngày ký: 07/02/2024 10:27:18 Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền		Người ký: Trần Nguyễn Lâm Ngày ký: 07/02/2024 10:28:58 Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	
Nguyễn Thị Thu Hương				Hoàng Thị Hương Huệ		Trần Nguyễn Lâm	

UBND QUẬN NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Máy Tơ, ngày 20 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN

V/v kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023

- Thời gian bắt đầu: 9 giờ 15 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2024
- Địa điểm: Phòng hội trường Trường TH Nguyễn Thượng Hiền
- Thành phần tham dự:
 1. Ông Trần Nguyên Lâm, Hiệu trưởng nhà trường;
 2. Bà Nguyễn Thị Huyền, Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch công đoàn;
 3. Bà Đỗ Thị Tâm, Tổ trưởng tổ VP, văn thư kiêm thủ quỹ;
 4. Bà Vũ Thị Thu Hà, Chủ tịch công đoàn;
 5. Bà Mạc Thị Lê Khuyên, Trưởng Ban thanh tra nhân dân;
 6. Bà Lâm Thị Viên, Bí thư Đoàn thanh niên.
- Chủ tọa: Ông Trần Nguyên Lâm, Hiệu trưởng
- Thư kí: Bà Đỗ Thị Tâm, văn thư
- Nội dung:
 - + Tiến hành kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023.
 - + Sau thời gian niêm yết công khai: từ 20/04/2024 đến hết 19/05/2024, bộ phận tiếp nhận ý kiến không nhận được ý kiến phản hồi nào.
- Nội dung kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023 đã được các thành viên tham dự thông qua 100% nhất trí.
- Buổi kết thúc niêm yết công khai kết thúc vào 10 giờ 00 phút cùng ngày./.

THƯ KÍ



Đỗ Thị Tâm

HIỆU TRƯỞNG



Trần Nguyên Lâm

Nơi nhận:

- Lưu VT, Hồ sơ